TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DSST
Ngày: 16/02/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trưng và bà Phạm Thị Thùy Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên**.**

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác: T) – sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Phan Minh T – sinh năm 1974, bà Nguyễn Thị D – sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Bà D có mặt. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày: Do có quan hệ họ hàng, nên vào ngày 11/02/2016 (âm lịch) bà G có cho vợ chồng ông Phan Minh T, bà Nguyễn Thị D vay 15 (Mười lăm) chỉ vàng y loại 9999 để nuôi ốc hương, vay không tính lãi; hẹn đúng ngày 11/02 âm lịch năm sau (tức ngày 11/02/2017) sẽ trả. Việc vay mượn có viết giấy vay tiền, có chữ ký của ông T, bà D. Sau khi vay, vợ chồng ông T, bà D chỉ trả cho bà G được số tiền 9.000.000đ *(Chín triệu đồng)* vào khoảng cuối tháng 2/2021 âm lịch, tương đương gần 02 chỉ vàng y loại 9999 (bà G và vợ chồng ông T, bà D thoả thuận vợ chồng ông T, bà D phải trả thêm 2.000.000đ nữa là đủ 02 chỉ vàng y loại 9999). Vợ chồng ông T, bà D còn nợ bà G tổng cộng là 13 chỉ vàng y

loại 9999 và 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*. Từ đó đến nay bà G nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà D trả khoản nợ còn lại nhưng vợ chồng ông T, bà D vẫn không trả nợ cho bà G.

Tại phiên tòa, bà G yêu cầu vợ chồng ông T, bà D trả một lần số vàng và tiền còn nợ là 13 chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*. Bà G không yêu cầu lãi suất.

- Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án bị đơn vợ chồng ông Phan Minh T, bà Nguyễn Thị D trình bày: Vợ chồng ông T, bà D thừa nhận có vay của bà G 15 chỉ vàng y loại 9999 như bà G trình bày, quá trình vay mượn thì vợ chồng ông T, bà D đã trả cho bà G được 9.000.000đ *(Chín triệu đồng)* (tương đương gần 02 chỉ vàng y loại 9999); hiện tại vợ chồng ông T, bà D còn nợ bà G 13 chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*; Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không thể trả một lần số vàng và tiền nói trên cho bà G. Vợ chồng ông T, bà D xin trả dần mỗi năm 02 chỉ vàng y cho bà G đến khi hết nợ.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả một lần số vàng và tiền còn nợ là 13 chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ; không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà D thừa nhận còn nợ bà G 13 chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ, xin trả dần mỗi năm 02 chỉ vàng y cho đến khi hết nợ.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông T cũng thừa nhận vợ chồng ông T, bà D còn nợ bà G 13 chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ, xin được trả dần cho đến khi hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 465; 466 Bộ luật dân sự (BLDS), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 13 chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số vàng và tiền đã mượn theo giấy vay tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn thường trú tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An,

tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 35 BLTTDS. Bị đơn Phan Minh T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phan Minh T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Phan Minh T, bà Nguyễn Thị D phải trả 13 chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ còn nợ căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 11/02/2016 (âm lịch) do vợ chồng ông T, bà D ký tên; yêu cầu vợ chồng ông T, bà D trả nợ một lần, không yêu cầu lãi suất. Bị đơn vợ chồng ông T, bà D thừa nhận có vay tiền của bà G, thừa nhận còn nợ bà G 13 chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ. Tuy nhiên, xin trả mỗi năm 02 chỉ vàng cho đến khi trả hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng trả một lần.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn và đối chiếu với giấy vay tiền ngày 11/02/2016 (âm lịch) do vợ chồng ông T, bà D ký tên, được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 BLTTDS, đủ cơ sở xác định: vợ chồng ông T, bà D có vay và còn nợ bà G 13 chỉ vàng y loại 9999 và số tiền 2.000.000đ. Nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T, bà D vẫn chưa trả nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà G. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ.

Xét lời trình bày của bị đơn về việc đề nghị HĐXX xem xét cho bị đơn trả nợ dần, mỗi năm trả 02 chỉ vàng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận lời trình bày của bị đơn, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T, bà D có nghĩa vụ trả cho bà G số vàng và tiền đã vay là 13 chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ.

- Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số vàng và tiền phải trả cho nguyên đơn: (13 chỉ vàng y loại 9999 (tương ứng số tiền 70.720.000đ) + 2.000.000đ) là 72.720.000đ x 5% = 3.636.000đ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn; (Vàng y loại 9999 ngày 16/02/2022 giá 5.440.000đ/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.

1. Buộc vợ chồng ông Phan Minh T, bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị G 13 *(mười ba)* chỉ vàng y loại 9999 và 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*;

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Phan Minh T, bà Nguyễn Thị D phải chịu 3.636.000đ *(Ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 2.160.000đ (*Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003670 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền